TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN THÀNH** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **08**/2019/DSST
Ngày 28 - 6 - 2019
V/v "Tranh chấp về thừa kế tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THÀNH - TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Lê Thị Nhung

Hội thẩm nhân dân:

1. ông Nguyễn Khắc Bằng
2. bà Nguyễn Lệ Lan.

- Thư ký phiên tòa: ông Đào Quang Sáng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Yên Thành tham gia phiên tòa: ông Hồ Văn Nam - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 11/2019/TLST-DS, ngày 11 tháng 3 năm 2019 về "Tranh chấp về thừa kế tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 86/2019/QĐXXST-DS, ngày 31 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 87/2019, ngày 17/6/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: ông Nguyễn Bá L - sinh năm 1960; địa chỉ: số nhà: 118/6 đường T - phường T - quận T - Tp Hồ Chí Minh; Ông Nguyễn Bá L ủy quyền cho anh trai là Nguyễn Văn L - sinh năm 1957; địa chỉ: Thôn 11, xã T, huyện B, tỉnh Đắc Lắc (giấy ủy quyền lập tại Tòa án ngày 17/6/2019) (ông L có mặt);

- Bị đơn: ông Nguyễn Văn L2 - sinh năm 1954; địa chỉ: nhà số 1, ngách số 3, ngõ 21, đường N thuộc xóm 13A, xã N, thành phố V, tỉnh Nghệ An (vắng mặt lần thứ 2);

-Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Nguyễn Văn L3 - sinh năm 1957; địa chỉ: Thôn 11, xã T, huyện B, tỉnh Đắc Lắc (có mặt);

+ Bà Nguyễn Thị H - sinh năm 1968; địa chỉ: xóm Đ, xã L, huyện Y, tỉnh Nghệ An (có mặt);

+ Bà Nguyễn Thị L - sinh năm 1952; nơi ở hiện nay: xóm V, xã N, huyện Y, tỉnh Nghệ An (vắng mặt lần thứ 2);

NỘI

DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của ông Nguyễn Bá L đề ngày 20/02/2019 tại biên bản lấy lời khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Bá L ủy quyền cho anh trai là ông Nguyễn Văn L3 trình bày:

Bố mẹ đẻ của ông là ông Nguyễn H (đã mất năm 2008) và bà Phan Thị T (đã mất năm 1995) sinh được 4 người con là Nguyễn Văn L2, Nguyễn Văn L3, Nguyễn Bá L và Nguyễn Thị H.

Khi còn sống bố mẹ ông có 1 thửa đất tại xóm V, F thuộc tờ bản đồ số 4, thửa số 11 diện tích 900m^2 (trong đó có 200m^2 đất ở; 700m^2 đất vườn) được UBND huyện Yên Thành cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 15/9/1996 mang tên ông Nguyễn H.

Tại thời điểm bố mẹ ông còn sống, các anh em trong gia đình gồm có ông L3, ông L1, bà Hường lớn lên đi học rồi đi thoát ly và ở xa quê, ông L hiện sinh sống ở Đắc Lắc, ông L1 thì đi thoát ly sớm ở Sơn La năm 1985, hiện sống ở Tp Hồ Chí Minh;bà Nguyễn Thị H lấy chồng ở xã Long Thành;còn ông L2 lấy vợ khoảng năm 1974 (khi đó anh em còn nhỏ). Thời gian đầu vợ chồng ông L2 có ở với bố mẹ một thời gian sau đó vợ chồng được bố mẹ mua đất làm nhà ra ở riêng ở xóm liền kề, nhưng rồi ông L2, bà L bán nhà và đất đi rồi ông L2 công tác ở Vinh ở luôn trong thành phố Vinh, còn vợ ông L2 về ở với bố ông (ông Nguyễn H) tại thửa đất đang tranh chấp nêu trên, thời gian bà L về ở cùng ông Nguyễn H là từ năm 2000 (8 năm trước khi ông Nguyễn H mất), sau khi ông Nguyễn H mất thì bà L vợ ông L2 ở luôn cho đến nay. Ông L2 là con trưởng nhưng không có trách nhiệm với bố mẹ và việc thờ cúng nội tộc; bà L thì tự ý về ở trên đất tự ý phá nhà cũ của bố mẹ để lại rồi cho con trai đầu xây nhà trên đất nhưng không hỏi ý kiến, không bàn bạc với anh em. Ông L2 thì cho rằng ông phải được hưởng mọi tài sản của bố mẹ để lại trong khi đó ông L2 không có trách nhiệm với dòng họ Nguyễn, bìa đỏ của mảnh đất này hiện ông L2 đang cất giữ. Điều này là mâu thuẫn với việc đòi quyền lợi hưởng tài sản của bố mẹ. Việc vợ ông L2 về ở cùng với bố đẻ của ông là tự ý chứ anh chị em không biết, đến khi biết được thì mỗi lần anh chị em về thì bà L đuổi đi sợ anh chị em về tranh phần các chế độ của ông Nguyễn H và chia đất đai của bố mẹ để lại.

Trên phần đất tài sản của bố mẹ để lại trước đây có một nhà 5 gian lợp ngói to; một bếp nấu ăn 2 gian, có nhà vệ sinh, chuồng trâu, chuồng lợn, sân vườn, giếng nước và nhà tắm hiện nay vợ ông L2 đã phá 3 gian nhà của ngôi nhà 5 gian để xây nhà mới trên nền đất này đồng thời xây ghép vào hai gian còn lại của ngôi nhà ngói 5 gian. Còn cái bếp nấu ông L2 đã phá lâu rồi và hiện nay ông L2 xây 1 gian bếp mới trên nền bếp cũ và 1 xái đằng sau bếp, chuồng trâu, lợn cũng đã phá, sân thì ông L2 đã phá và làm lại. Hiện nay còn giếng nước và nhà tắm và bà L vợ ông L2 vẫn ở trên đất của bố mẹ ông trong ngôi nhà mới xây trên đất không chịu đi vào Vinh ở với ông L2 mục đích của vợ chồng ông L2 là để chiếm giữ đất của bố mẹ để lại không cho các em được hưởng di sản.

Mặc dù anh chị em đều có gia đình và có nhà cửa ổn định nhưng vì đây là tài sản duy nhất của bố mẹ chết đi để lại nên ông có nguyện vọng chia tài sản theo quy định của pháp luật cho 4 anh em trong gia đình bằng nhau để anh em

mỗi khi về quê có nơi về cúng đơm trên quê cha đất tổ. Các tài sản trước đây của bố mẹ xây dựng đã lâu đời và bị tháo dỡ ông không yêu cầu giải quyết.

- Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn L2 trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng trực tiếp cho ông L2, ông L2 nhận nhưng không chấp hành văn bản của Tòa án nên Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai cũng như hòa giải đối với ông L2 được tuy nhiên căn cứ vào hồ sơ địa chính đối với thửa đất đang tranh chấp, tài liệu xác nhận họ tên trên hồ sơ kỹ thuật đất của ông Nguyễn H (cụ thể là trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là ghi cấp cho ông Nguyễn H, còn trong hồ sơ kỹ thuật đất ông H đã ký tên Nguyễn Văn H) các tài liệu khác chứng minh tài sản là thửa đất số 11; tờ bản đồ số 4, diện tích 900m^2 (trong đó có 200m^2 đất ở, 700m^2 đất vườn) được UBND huyện Yên Thành cấp 15/9/1996 mang tên ông Nguyễn H là có thật trên thực tế và sự việc bà L vợ ông L2 đang ở trên đất và cũng xây một ngôi nhà nhỏ trên đất là có thật; mặc dù ông L2 không có mặt tại tòa án để làm việc nhưng căn cứ vào các tài liệu nêu trên thì Tòa án khẳng định việc ông L1 khởi kiện tại Tòa án yêu cầu chia di sản thửa kế tài sản là đất của bố mẹ để lại là đúng với tình hình thực tế, đúng với nội dung yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Bá L trình bày.

- Tại bản tự khai và tại phiên Tòa những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm ông Nguyễn Văn L3, bà Nguyễn Thị H đều thống nhất ý kiến như ý kiến trình bày và nguyện vọng của ông Nguyễn Bá L nêu trong đơn khởi kiện đúng với ý kiến nguyện vọng ông L1 ủy quyền cho ông L3 trình bày tại phiên Tòa và không có yêu cầu gì thêm.

-Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị L vợ ông L2 là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Tòa án đã tống đạt hợp lệ các biên bản tố tụng của Tòa nhiều lần nhưng bà L chấp hành không đầy đủ trong quá trình giải quyết vụ án tuy nhiên Tòa án vẫn lấy lời khai của bà L để làm rõ tâm nguyện của bà cụ thể là. Vào năm 1974 bà và ông L2 làm đám cưới rồi về ở với bố mẹ chồng là ông bà Nguyễn H. Khi bà về làm dâu thì thửa đất đang tranh chấp đã có rồi đất này là của ông H, bà T và đã có nhà ở trên đất khi đó các em L3, Luận, Hường đều đang còn nhỏ; năm 1977 vợ chồng bà ở riêng bên cạnh nhà của bố mẹ chồng trên thửa đất đang tranh chấp và đến khoảng năm 1980 thì vợ chồng bà ở tại thửa đất vợ chồng tự mua ở xóm kế bên chứ không phải bố mẹ mua cho (khi đó bố mẹ chồng nghèo khó không có tiền mua đất). Đến cuối năm 1995 mẹ chồng là bà Phan Thị T ốm nặng bà đã chạy đi chạy lại chăm sóc bà T đến khi mất lúc bà T mất đi thì chỉ còn lại bố chồng (ông Nguyễn H) ở một mình nên vợ chồng bàn bạc để bà về ở với ông chăm sóc ông khi tuổi già khi về thì bà mang theo người con trai bị bệnh não ngồi một chỗ nhiều năm nên bà rất vất vả nhưng vì không muốn ông H ở một mình nên bà và con về ở cùng với ông; còn ông L2 thì đi lái xe sau đó chuyển sang làm xăng dầu và ở với các con trong V luôn không mấy khi về nhà (ông L2 hiện đang đi bồng cháu cho các con và ở trong V); bà cho biết tâm nguyện của ông L2 thì ông không tranh dành đất đai của cha mẹ với các em, ông không có ý định bán đất cha mẹ vì đất cha mẹ để lại là nơi các anh em về quê để đoàn tụ, tâm nguyện của bà cũng như của ông L2 nhưng nay các em yêu cầu chia theo pháp luật thì bà cũng chấp hành

theo pháp luật bà không có yêu cầu độc lập và không có ý kiến gì thêm bà chỉ mong Tòa xem xét công sức của vợ chồng bà trong việc chăm sóc bố mẹ chồng và gìn giữ di sản của ông bà để lại.

Tại phiên Tòa đại diện viện kiểm sát có ý kiến và thống nhất: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, HĐXX và Thư ký cụ thể như sau: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện các quy định tại điều 203 BLTTDS năm 2015. Tòa án đã thụ lý đúng thẩm quyền và xác định đúng quan hệ tranh chấp. Việc chấp hành theo pháp luật tố tụng dân sự của thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên Tòa Thẩm phán, HĐXX và Thư ký thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng giải quyết vụ án.Về nội dung của vụ án đại diện viện kiểm sát đề nghị HĐXX chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn đồng thời áp dụng các quy định pháp luật để chia theo quy định của pháp luật.Với các tài liệu do đương sự cung cấp và thẩm phán thu thập có tại hồ sơ vụ án đủ cơ sở giải quyết vụ án.

* Về án phí: Nguyên đơn ông Nguyễn Bá L phải nộp án phí dân sự sơ thẩm và án phí của người được hưởng phần di sản do người chết để lại theo quy định; Bị đơn ông Nguyễn Văn L2 phải chịu án phí của người được hưởng phần di phần di sản được chia theo quy định và phần được trích chia công sức. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Bá L3 bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí của người được hưởng phần di phần di sản được chia theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Đây là vụ án tranh chấp chia di sản thừa kế do người chết để lại được quy định tại khoản 5 Điều 26 BLTTDS nên thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Yên Thành theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 39 BLTTDS năm 2015.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử hợp lệ cho bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan hợp lệ. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L đều vắng mặt lần thứ 2 không có lý do theo quy định. Nguyên đơn ông Nguyễn Bá L lý do sức khỏe nên đã ủy quyền cho ông Nguyễn Văn L3 tham gia giải quyết vụ án,việc ủy quyền này là hoàn toàn tự nguyện trước sự chứng kiến của HĐXX tại phiên tòa lần thứ nhất nên đủ căn cứ để chấp nhận.

[1.2] Về thời hiệu: Ông Nguyễn H chết 2008, bà Phan Thị T chết năm 1995. Căn cứ vào nội dung yêu cầu chia di sản thừa kế của đương sự là đất đai (bất động sản) nên ông Nguyễn Bá L khởi kiện chia di sản thừa kế trong thời hạn 30 năm kể từ thời điểm mở thừa kế (1995) là đúng thời hiệu theo quy định tại Điều 623 BLDS.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về di sản thừa kế:

Các đương sự thống nhất với nhau về nguồn gốc thửa đất đang tranh chấp là của ông Nguyễn H, bà Phan Thị T khi chết đi không để lại di chúc cho các con. Ông L1 khởi kiện yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với thửa đất do ông H, bà T để lại là thửa đất thuộc tờ bản đồ số 4, thửa số 11 diện tích 900m^2 (trong đó có 200m^2 đất ở, 700m^2 đất vườn) được UBND huyện Yên Thành cấp 15/9/1996 mang tên ông Nguyễn H. Theo số liệu đo thực tế tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và biên bản định giá ngày 13/5/2019 xác định diện tích thửa đất trên có địa chỉ tại xóm V, xã Nhân Thành thuộc thửa số 11 tờ bản đồ số 4 được UBND huyện Yên Thành cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số 111/QĐ/UB ngày 15/9/1996 mang tên ông Nguyễn H có diện tích 900m^2 (trong đó có 200m^2 đất ở, 700m^2 đất vườn) có diện tích đo mới là 964m^2. Do diện tích tăng không đáng kể với số liệu cấp theo bìa đỏ ban đầu, hơn nữa thửa đất này nằm trong khu dân cư và đất có nguồn gốc trước ngày 18/12/1980 thì căn cứ vào điểm a khoản 2 điều 13 tại Quyết định số 16/UBND, ngày 03/4/2018 của UBND tỉnh Nghệ an "Quy định về hạn mức giao đất ở và hạn mức công nhận đất ở và xác định diện tích đất ở khi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất" (xác minh tại địa chính xã Nhân Thành cho biết diện tích đất có thay đổi tăng lên 64m^2 này là do kỹ thuật đo đạc qua các thời kỳ dẫn đến số liệu bị thay đổi còn tứ cận của thửa đất không thay đổi);

Có tứ cận cụ thể như sau:

Phía Tây giáp nhà anh Nguyễn Văn M có chiều dài cạnh 25.57m; đoạn giáp nhà anh Phạm Đình Hưng có chiều dài cạnh 3.30m;

Phía Đông giáp giáp đường nội bộ có chiều dài cạnh 28.29m;

Phía Nam giáp nhà anh Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn Q có chiều dài cạnh 33.96m;

Phía Bắc giáp mương tiêu, giáp nhà anh Nguyễn Văn H và Đặng Ngọc T có chiều dài cạnh 33.89m;

Thửa đất trên được định giá theo giá thị trường cụ thể là: 964m^2 x 300.000 đồng/m^2 = 289.200.000 đồng

Trên đất có các tài sản sau:

- 01 nhà cấp 4 tường xây táp lô chịu lực, mái ngói, chiều cao mái chảy 3,6m; nền láng xi măng không sơn. Xây năm 2018 có diện tích 43m^2 (dài 7,2m; rộng 6m) có giá theo giá thị trường là 86.000.000 đồng;

- 01 nhà cấp 4 gỗ chiều cao mái chảy 1,7m nền đất diện tích 22, 2m^2 (dài 4,5m; rộng 4,63m) có giá theo giá thị trường 66.600.000 đồng;

- 01 nhà tạm tường xây táp lô, mái lợp Proximăng chiều cao mái chảy 2,9m (bán mái); có diện tích 13,4m^2 (dài 4,36m; rộng 2,3m) có giá theo giá thị trường 4.690.000 đồng;

- 01 mái lợp prôximăng có diện tích 7,2m^2 (chiều dài 2,8m, rộng 2,6m); có giá theo giá thị trường 7.200.000 đồng

- 01 sân xi măng có diện tích 28m^2 (dài 7,2m; rộng 4m) có giá theo giá thị trường 2.800.000 đồng

- Tường xây táp lô phía Đông của thửa đất có diện tích 4,7m^2 (dài 9,8m, cao 1,5m) xây táp lô đứng không da trát có giá theo giá thị trường 1.675.000 đồng;

Đối với những tài sản là hai ngôi nhà cũ của ông bà H trên đất đang tranh chấp hiện nay không còn nữa ông L1 không yêu cầu nên Tòa không xem xét.

Từ những phân tích trên: Xét thấy mặc dù ông H, bà T chết ở hai thời điểm khác nhau nhưng do thửa đất là di sản thừa kế ông bà để lại không có nhiều biến động về hình thể, tứ cận diện tích trong quá trình sử dụng, hiện tại không có tranh chấp với hộ sử dụng đất liền kề. Vì vậy cần lấy diện tích thực tế theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ và số đo của hồ sơ kỹ thuật được lập ngày 22/6/2006 là 964m^2 để giải quyết vụ án.

[2.2]. Về hàng thừa kế.

Trên cơ sở các lời khai của đương sự, các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa đủ cơ sở xác định:

- Ông Nguyễn H, bà Phan Thị T có 04 người con gồm: ông Nguyễn Văn L2, Nguyễn Văn L3, Nguyễn Bá L và bà Nguyễn Thị H nay ông H, bà T chết không để lại di chúc nên thửa đất đang tranh chấp là di sản chung của 4 người con của ông H, bà T vì vậy mỗi người con được hưởng phần di sản bằng nhau trên tổng số di sản ông H bà T để lại.

[2.3].Về quá trình bảo quản, tôn tạo di sản thừa kế và phương thức chia di sản thừa kế.

Theo lời trình bày của các đương sự, các bản khai, các biên bản lấy lời khai cũng như tại phiên tòa ông L3, ông L1, bà Hường không thừa nhận công sức của vợ chồng ông L2 mặc dù có thừa nhận bà L về ở với ông H từ năm 2000 đến khi ông H chết đi nhưng cho rằng bà L với ông L2 có mục đích xấu song những người này không đưa ra được tài liệu chứng cứ chứng minh;hơn nữa trên thực tế khi Tòa án cùng với chính quyền xã về xem xét thẩm định tại chỗ thì thấy hiện nay bà L đang ở trên đất cùng với người con trai bị bệnh việc này cho thấy lời khai của bà L nêu trên là có thật cụ thể là vợ chồng bà đã bàn bạc với nhau để bà L về chăm sóc ông bà khi ốm đau, đến khi mất đi sau đó ở lại, tôn tạo giữ gìn di sản người chết để lại từ năm 2000 cho đến nay. Từ đó cần chấp nhận công sức của vợ chồng ông L2, bà L trong việc quản lý di sản từ năm 2000 đến nay là phù hợp thực tế, phù hợp với quy định pháp luật hơn nữa tại phiên tòa ông L3 đại diện theo ủy quyền cho ông L1, bản thân ông L3 và bà Hường đều thống nhất công nhận phần công sức này của vợ chồng ông L2, bà L và trích 33,89m^2 trong tổng số diện tích đất của ông bà để lại tính vào phần công sức đồng thời đề nghị Tòa án cộng phần công sức này vào phần ông L2 sau khi được chia kỷ phần là 232.5m^2 + 33.89m^2 = 266.39m^2.

Để đảm bảo cuộc sống của mẹ con bà L không bị xáo trộn và giữ nguyên được giá trị ngôi nhà hiện bà L vợ ông L2 đang sinh sống trên đất cũng như nguyện vọng của ông L1, ông L3 và bà Hường chia đất theo hiện trạng để anh chị em sau này về làm nhà thờ cúng tổ tiên ông bà nên việc chia thừa kế tài sản trên được chia theo hiện trạng đất thể hiện cụ thể như sau:

+/Ông Nguyễn Văn L2 được quyền quản lý, sử dụng phần đất có diện tích 266.39m^2 (gồm 232.5m^2 phần đất ông L2 được hưởng và 33.89m^2 phần đất có công sức của vợ chồng ông L2, bà L) có tứ cận:

- Phía Bắc giáp mương tiêu và nhà anh Nguyễn Văn H, Đặng Ngọc T có chiều dài cạnh 28.14m;

- Phía Tây giáp phần đất ông Nguyễn Văn L3 được giao có chiều dài cạnh 9.51m;

- Phía Nam giáp phần đất mà ông Nguyễn Văn L3 được giao có chiều dài cạnh 28.15m.

- Phía Đông giáp đường nội bộ có chiều dài cạnh 9.50m;

+/Ông Nguyễn Văn L3 được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất 232.5m^2 có tứ cận:

- Phía Bắc giáp phần đất ông Nguyễn Văn L2 được giao có chiều dài cạnh 28.15m và giáp mương tiêu, giáp nhà anh Nguyễn Văn H, Đặng Ngọc T có chiều dài cạnh 5.75m.

- Phía Tây giáp nhà anh Nguyễn Văn M và anh Phạm Đình Hưng có chiều dài cạnh 14.85m;

- Phía Nam giáp phần đất của ông Nguyễn Bá L được giao có chiều dài cạnh 33.93m;

- Phía Đông giáp đường nội bộ có chiều dài cạnh 5.16m và giáp phần đất ông Nguyễn Văn L2 được giao đường gấp khúc có chiều dài cạnh 9.51m.

+/Ông Nguyễn Bá L được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất 232.5m^2 có tứ cận:

- Phía Bắc giáp phần đất của ông Nguyễn Văn L3 được giao có chiều dài cạnh 33.93m

- Phía Tây giáp nhà anh Nguyễn Văn M và anh Phạm Đình Hưng có chiều dài cạnh 6.95m;

- Phía Nam giáp phần đất bà Nguyễn Thị H được giao có chiều dài cạnh 33.93m;

- Phía Đông giáp đường nội bộ có chiều dài cạnh 6.77m;

+/Bà Nguyễn Thị H được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất 232.5m^2 có tứ cận:

- Phía Bắc giáp phần đất ông Nguyễn Bá L được giao có chiều dài cạnh 33.93m;

- Phía Tây giáp nhà anh Nguyễn Văn M và anh Phạm Đình Hưng có chiều dài cạnh 7.07m;

- Phía Nam giáp nhà anh Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn Q có chiều dài cạnh 33,96m;

- Phía Đông giáp đường nội bộ có chiều dài cạnh 6.86m;

[2.4]. Về chi phí thẩm định, định giá:

Nguyên đơn là người yêu cầu thẩm định, định giá tài sản và thỏa thuận tự nguyện chịu toàn bộ chi phí số tiền là 2.000.000 đồng nên miễn xét.

[2.5]. Về án phí:

- Ông Nguyễn Bá L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng và 3.487.500 đồng án phí của người được hưởng di sản nhưng được trừ 366.000 đồng ông đã nộp tại chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Thành theo biên lai nộp tiền số 0003580 ngày 11/3/2019.

- Ông Nguyễn Văn L2 phải chịu án phí của người được hưởng phần di sản là 3.995.850 đồng.

- Ông Nguyễn Văn L3 và bà Nguyễn Thị H mỗi người phải chịu án phí của người được hưởng phần di sản là 3.487.500 đồng/người.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 612, 623, 649, 650, 651 của Bộ luật dân sự

Căn cứ khoản 5 điều 26, khoản 1 điều 35, điểm c khoản 1 điều 39, khoản 1 điều 227;khoản 1 điều 228; điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;điểm d khoản 1 điều 12 Nghị quyết 326/2019/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Xử:

- Chấp nhận yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật của ông Nguyễn Bá L. Buộc bà Nguyễn Thị L phải có nghĩa vụ bàn giao lại cho ông Nguyễn Văn L2, Nguyễn Văn L3, Nguyễn Bá L và Nguyễn Thị H do bà L hiện nay đang quản lý, sử dụng thửa đất của ông Nguyễn H và bà Phan Thị T để lại.

+/ Ông Nguyễn Văn L2 được quyền quản lý, sử dụng phần đất có diện tích 266.39m^2 (gồm 232.5m^2 phần đất ông L2 được hưởng và 33.89m^2 phần đất có công sức của vợ chồng ông L2, bà L) có tứ cận:

- Phía Bắc giáp mương tiêu và nhà anh Nguyễn Văn H, Đặng Ngọc T có chiều dài cạnh 28.14m;

- Phía Tây giáp phần đất ông Nguyễn Văn L3 được giao có chiều dài cạnh 9.51m;

- Phía Nam giáp phần đất mà ông Nguyễn Văn L3 được giao có chiều dài cạnh 28.15m.

- Phía Đông giáp đường nội bộ có chiều dài cạnh 9.50m;

+/Ông Nguyễn Văn L3 được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất 232.5m^2 có tứ cận:

- Phía Bắc giáp phần đất ông Nguyễn Văn L2 được giao có chiều dài cạnh 28.15m và giáp mương tiêu, giáp nhà anh Nguyễn Văn H, Đặng Ngọc T có chiều dài cạnh 5.75m.

- Phía Tây giáp nhà anh Nguyễn Văn M và anh Phạm Đình Hưng có chiều dài cạnh 14.85m;

- Phía Nam giáp phần đất của ông Nguyễn Bá L được giao có chiều dài cạnh 33.93m;

- Phía Đông giáp đường nội bộ có chiều dài cạnh 5.16m và giáp phần đất ông Nguyễn Văn L2 được giao đường gấp khúc có chiều dài cạnh 9.51m.

+/Giao cho ông Nguyễn Bá L được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất 232.5m^2 có tứ cận:

- Phía Bắc giáp phần đất của ông Nguyễn Văn L3 được giao có chiều dài cạnh 33.93m

- Phía Tây giáp nhà anh Nguyễn Văn M và anh Phạm Đình Hưng có chiều dài cạnh 6.95m;

- Phía Nam giáp phần đất bà Nguyễn Thị H được giao có chiều dài cạnh 33.93m;

- Phía Đông giáp đường nội bộ có chiều dài cạnh 6.77m;

+/ Bà Nguyễn Thị H được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất 232.5m^2 có tứ cận:

- Phía Bắc giáp phần đất ông Nguyễn Bá L được giao có chiều dài cạnh 33.93m;

- Phía Tây giáp nhà anh Nguyễn Văn M và anh Phạm Đình Hưng có chiều dài cạnh 7.07m;

- Phía Nam giáp nhà anh Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn Q có chiều dài cạnh 33,96m;

- Phía Đông giáp đường nội bộ có chiều dài cạnh 6.86m;

(Có sơ đồ chi tiết kèm theo bản án).

Các bên đương sự có quyền và nghĩa vụ đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng ký và đăng ký lại quyền sử dụng đất.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại khoản điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Về án phí:

- Ông Nguyễn Bá L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng và 3.487.500 đồng án phí của người được hưởng di sản nhưng được trừ 366.000 đồng ông đã nộp tại chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Thành theo biên lai nộp tiền số 0003580 ngày 11/3/2019.

- Ông Nguyễn Văn L2 phải chịu án phí của người được hưởng phần di sản là 3.995.850 đồng.

- Ông Nguyễn Văn L3 phải chịu án phí của người được hưởng phần di sản là 3.487.500 đồng.

- Bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí của người được hưởng phần di sản là 3.487.500 đồng.

3. Quyền kháng cáo: Ông Nguyễn Văn L3 là người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn có mặt; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn L3, bà Nguyễn Thị H có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn ông Nguyễn Văn L2, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- Các đương sự,
- Người có QLNVLQ
- VKSND Tỉnh Nghệ An.
- VKSND H. Yên Thành
- Chi cục THADS. Yên Thành.
- Lưu hồ sơ vụ án
- UBND xã Nhân Thành;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Lê Thị Nhung